

43. ĐẠI KINH PHƯƠNG QUẢNG (*Mahāvedalla Sutta*)¹

449. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, tại Jetavana, tinh xá ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahākoṭṭhita² (Đại Câu-hy-la), vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Sāriputta³ ở; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhita nói với Tôn giả Sāriputta:

– Này Hiền giả, liệt tuệ, liệt tuệ (*duppañña*) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là liệt tuệ?

– Này Hiền giả, vì không tuệ tri, không tuệ tri (*nappajānāti*), này Hiền giả nên được gọi là liệt tuệ. Không tuệ tri gì? Không tuệ tri: “Đây là khổ”; không tuệ tri: “Đây là khổ tập”; không tuệ tri: “Đây là khổ diệt”; không tuệ tri: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Vì không tuệ tri, không tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là liệt tuệ.

– Lành thay, Hiền giả!

Tôn giả Mahākoṭṭhita hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta nói, rồi hỏi Tôn giả Sāriputta một câu hỏi nữa:

– Này Hiền giả, trí tuệ, trí tuệ được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là trí tuệ?

– Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ. Có tuệ tri gì? Có tuệ tri: “Đây là khổ”; có tuệ tri: “Đây là khổ tập”; có tuệ tri: “Đây là khổ diệt”; có tuệ tri: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ.

– Thức, thức (*viññāṇa*), này Hiền giả, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là thức?

– Này Hiền giả, vì thức tri, thức tri (*vijānāti*), này Hiền giả, nên được gọi là có thức. Thức tri gì? Thức tri lạc, thức tri khổ, thức tri bất khổ bất lạc. Vì thức tri, thức tri, này Hiền giả, nên được gọi là có thức.

¹ Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (T.01. 0026.211. 0790b08).

² Tôn giả được xem là vị Phân tích lý luận đệ nhất. Xem MA. II. 337.

³ Tôn giả được xem là vị Trí tuệ đệ nhất. Xem A. I. 23.

– Đây Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

– Đây Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Đây Hiền giả, điều gì tuệ tri được là thức tri được, điều gì thức tri được là tuệ tri được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

– Đây Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, thế nào là sự sai khác giữa những pháp được kết hợp, không phải không kết hợp này?

– Đây Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, giữa những pháp được kết hợp, không phải không được kết hợp này, trí tuệ cần phải được tu tập (*bhāvetabba*), còn thức cần phải được liễu tri (*pariññeyyam*),⁴ như vậy là sự sai khác giữa những pháp này.

450. – Cảm thọ, cảm thọ, đây Hiền giả, được gọi là như vậy. Đây Hiền giả, như thế nào được gọi là cảm thọ?

– Đây Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ (*vedeti*), nên được gọi là cảm thọ. Và cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ bất khổ bất lạc thọ. Đây Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ, nên được gọi là cảm thọ.

– Đây Hiền giả, tưởng, tưởng (*sañña*) được gọi là như vậy. Đây Hiền giả, như thế nào được gọi là tưởng?

– Tưởng tri, tưởng tri (*sañjānāti*), đây Hiền giả, nên được gọi là tưởng. Và tưởng tri gì? Tưởng tri màu xanh, tưởng tri màu vàng, tưởng tri màu đỏ, tưởng tri màu trắng. Tưởng tri, tưởng tri, đây Hiền giả, nên được gọi là tưởng.

– Đây Hiền giả, thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

– Đây Hiền giả, cảm thọ như vậy, tưởng như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Đây Hiền giả, điều gì cảm thọ được là tưởng tri được, điều gì tưởng tri được là cảm thọ được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

451. – Đây Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn có thể đưa đến gì?⁵

⁴ *Pariññeyyam*. MA. II. 342 cho rằng không có sự sai khác. Nhận thức sáng suốt kết hợp với trí tuệ cần phải được tu tập; trí tuệ kết hợp với nhận thức sáng suốt cần phải được ý thức rõ.

⁵ Đây chỉ cho Thiền thứ tư.

– Đây Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn, có thể đưa đến Hư không vô biên xứ; hư không là vô biên, có thể đưa đến Thức vô biên xứ; thức là vô biên, có thể đưa đến Vô sở hữu xứ, không có sự vật gì.

– Đây Hiền giả, pháp đưa đến nhờ gì có thể tuệ tri được?

– Đây Hiền giả, nhờ tuệ nhãn,⁶ pháp được đưa đến có thể tuệ tri.

– Đây Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa gì?

– Đây Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa là thắng tri (*abhiññattha*), có nghĩa là liễu tri (*pariññattha*),⁷ có nghĩa là đoạn tận (*pahānattha*).

452. – Đây Hiền giả, có bao nhiêu duyên khiến Chánh tri kiến sanh khởi?

– Đây Hiền giả, có hai duyên khiến Chánh tri kiến sanh khởi: Tiếng của người khác và như lý tác ý.⁸ Đây Hiền giả, do hai duyên này, Chánh tri kiến sanh khởi.

– Đây Hiền giả, Chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi bao nhiêu chi phần để có Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát quả công đức, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát quả công đức?

– Đây Hiền giả, Chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi năm chi phần để có Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát quả công đức, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát quả công đức. Ở đây, này Hiền giả, Chánh tri kiến có giới (*sīla*) hỗ trợ, có văn (*suta*) hỗ trợ, có thảo luận (*sākaṃcchā*) hỗ trợ, có chí (*samatha*) hỗ trợ, có quán (*vipassanā*) hỗ trợ. Đây Hiền giả, Chánh tri kiến được hỗ trợ bởi năm chi phần này để có Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát quả công đức, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát quả công đức.

453. – Đây Hiền giả, có bao nhiêu hữu (*bhava*)?

– Đây Hiền giả, có ba hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

– Đây Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai được xảy ra?

– Đây Hiền giả, bị vô minh ngăn che, bị tham ái trói buộc, các loài hữu tình thích thú chỗ này chỗ kia, như vậy sự tái sinh trong tương lai được xảy ra.

– Đây Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai không xảy ra?

– Đây Hiền giả, vô minh được xả ly, minh khởi, tham ái được đoạn diệt, như vậy sự tái sinh trong tương lai không xảy ra.

454. – Đây Hiền giả, thế nào là Thiên thứ nhất?

– Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và

⁶ Trí tuệ có mặt trong Chánh kiến. MA. II. 345 nói có 2 loại trí tuệ, một thuộc về Định và một thuộc về Chánh kiến.

⁷ It. 29: *Abhiññattha* và *pariññattha*.

⁸ MA. II. 346 viết rằng Sāriputta nghe câu kệ của Tôn giả Assaji mà đắc đạo, còn các vị Pacceka Buddha (Phật Độc Giác) thì nhờ tự mình tác ý mà đắc đạo.

trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Thiền thứ nhất.

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có bao nhiêu chi phần?

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần. Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất, có tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Này Hiền giả, Thiền thứ nhất có năm chi phần như vậy.

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất từ bỏ bao nhiêu chi phần và thành tựu bao nhiêu chi phần?

– Này Hiền giả, Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần và thành tựu năm chi phần. Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất từ bỏ tham dục, từ bỏ sân, từ bỏ hôn trầm thụy miên, từ bỏ trạo hối, từ bỏ nghi, thành tựu tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Này Hiền giả, như vậy Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần và thành tựu năm chi phần.

455. – Này Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới khác nhau, có hành giới khác nhau, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có thọ lãnh cảnh giới, hành giới lẫn nhau, cái gì làm sở y cho chúng, cái gì lãnh thọ cảnh giới, hành giới của chúng?

– Này Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lãnh thọ cảnh giới, hành giới lẫn nhau, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau, ý làm sở y cho chúng, ý lãnh thọ cảnh giới và hành giới của chúng.

456. – Này Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, năm căn này, do duyên gì mà chúng an trú?

– Này Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Này Hiền giả, năm căn này, do duyên tuổi thọ (*āyu*)⁹ mà chúng an trú.

– Này Hiền giả, tuổi thọ do duyên gì mà an trú?

– Tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú.

– Này Hiền giả, hơi nóng do duyên gì mà an trú?

– Hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

– Này Hiền giả, nay chúng tôi được biết từ lời nói của Tôn giả Sāriputta là tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú. Nay chúng tôi lại được biết từ lời nói của Tôn giả Sāriputta là hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú. Này Hiền giả, như thế nào, cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?

– Này Hiền giả, tôi sẽ cho một ví dụ.¹⁰ Nhờ ví dụ, ở đây, một số người có

⁹ MA. II. 349 viết là *jīvitindriya*.

¹⁰ M. I. 148.

trí sẽ hiểu ý nghĩa lời nói. Nay Hiền giả, ví như khi một cây đèn dầu được thắp sáng, duyên tim đèn, ánh sáng được hiện ra, do duyên ánh sáng, tim đèn được thấy. Cũng vậy, nay Hiền giả, tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú, và hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

457. – Nay Hiền giả, những pháp thọ hành (*āyusāṅkhāra*) này là những pháp được cảm thọ (*vedaniyā*) này, hay những pháp thọ hành này khác với những pháp được cảm thọ này?

– Nay Hiền giả, những pháp thọ hành này không phải là những pháp được cảm thọ này. Nay Hiền giả, nếu những pháp thọ hành này là những pháp được cảm thọ này thì không thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tướng định. Nay Hiền giả, vì rằng những pháp thọ hành khác, những pháp được cảm thọ khác nên có thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tướng định.

– Nay Hiền giả, đối với thân này, khi nào có bao nhiêu pháp được từ bỏ thì thân này nằm xuống, quăng đi, vất bỏ như một khúc gỗ vô tri?

– Nay Hiền giả, đối với thân này, khi nào ba pháp được từ bỏ: Tuổi thọ, hơi nóng và thức, thì thân này nằm xuống, quăng đi, vất bỏ như một khúc gỗ vô tri.

– Nay Hiền giả, có sự sai khác gì giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định?

– Nay Hiền giả, vật chết, mạng chung này, thân hành của nó¹¹ chấm dứt, dừng lại; khẩu hành¹² chấm dứt, dừng lại; tâm hành¹³ chấm dứt, dừng lại; tuổi thọ diệt tận, hơi nóng tiêu diệt, các căn bị bại hoại. Còn vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định, thì thân hành của vị này chấm dứt, dừng lại; khẩu hành chấm dứt, dừng lại; tâm hành chấm dứt, dừng lại; nhưng tuổi thọ không diệt tận, hơi nóng không tiêu diệt, các căn được sáng suốt. Nay Hiền giả, như vậy là sự sai khác giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định.

458. – Nay Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập Tâm giải thoát bất khổ bất lạc?

– Nay Hiền giả, có bốn duyên để chứng nhập Tâm giải thoát bất khổ bất lạc. Ở đây, nay Hiền giả, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay Hiền giả, do bốn duyên này mà chứng nhập Tâm giải thoát bất khổ bất lạc.

– Nay Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập Vô tướng tâm giải thoát?

– Nay Hiền giả, có hai duyên để chứng nhập Vô tướng tâm giải thoát:

¹¹ Được giải thích trong M. 44, *Cūḷavedalla Sutta* (Tiểu kinh Phương quảng); M. I. 301. Đây chỉ cho hơi thở vô, hơi thở ra.

¹² Chỉ cho tầm và tứ.

¹³ Chỉ cho thọ và tưởng.

Không có tác ý nhất thiết tướng và tác ý vô tướng giới.¹⁴ Đây Hiền giả, do hai duyên này mà chứng nhập Vô tướng tâm giải thoát.

– Đây Hiền giả, có bao nhiêu duyên để an trú Vô tướng tâm giải thoát?

– Đây Hiền giả, có ba duyên để an trú Vô tướng tâm giải thoát: Không tác ý nhất thiết tướng, tác ý vô tướng giới, và một sự sửa soạn trước. Đây Hiền giả, do ba duyên này mà an trú Vô tướng tâm giải thoát.

– Đây Hiền giả, có bao nhiêu duyên để xuất khởi Vô tướng tâm giải thoát?

– Đây Hiền giả, có hai duyên để xuất khởi Vô tướng tâm giải thoát: Tác ý nhất thiết tướng và không tác ý vô tướng giới. Đây Hiền giả, do hai duyên này mà xuất khởi Vô tướng tâm giải thoát.

459. – Đây Hiền giả, Vô lượng tâm giải thoát này, Vô sở hữu tâm giải thoát này, Không tâm giải thoát¹⁵ này và Vô tướng tâm giải thoát này, những pháp này nghĩa sai biệt và danh sai biệt, hay nghĩa đồng nhất và danh sai biệt?

– Đây Hiền giả, Vô lượng tâm giải thoát, Vô sở hữu tâm giải thoát, Không tâm giải thoát và Vô tướng tâm giải thoát này, có một pháp môn, này Hiền giả, do pháp môn này, các pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt. Và này Hiền giả, lại có một pháp môn, do pháp môn này, các pháp ấy có nghĩa đồng nhất và danh sai biệt. Đây Hiền giả, thế nào là có pháp môn, do pháp môn này mà các pháp ấy có nghĩa sai khác và có danh sai khác? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Vô lượng tâm giải thoát. Và này Hiền giả, thế nào là Vô sở hữu tâm giải thoát? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: “Không có vật gì”, chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Vô sở hữu tâm giải thoát. Và này Hiền giả, thế nào là Không tâm giải thoát? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến chỗ nhà trống và suy nghĩ như sau: “Đây trống không, không có tự ngã hay không có ngã sở.” Như vậy, này Hiền giả, gọi là Không tâm giải thoát. Và này Hiền giả, thế nào là Vô tướng tâm giải thoát? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo không tác ý với nhất thiết tướng, đặt và an trú Vô tướng tâm định. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Vô tướng tâm giải thoát. Như vậy là

¹⁴ Chỉ cho Niết-bàn (MA. II. 352). Tướng và vô tướng chỉ cho các pháp hữu vi và sự vắng mặt của chúng.

¹⁵ “Không tâm” bởi vì không có bất kỳ chương ngại nào cho việc tu thiền định. Xem MA. II. 353.

có pháp môn và do pháp môn này mà những pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt. Và này Hiền giả, thế nào là có pháp môn và do pháp môn này mà các pháp ấy có nghĩa đồng nhất nhưng danh sai biệt? Tham, này Hiền giả, là nguyên nhân của hạn lượng; sân là nguyên nhân của hạn lượng; si là nguyên nhân của hạn lượng. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, tham, sân, si này, đã được chặt tận gốc, đã làm như thân cây Sa-la, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô lượng,¹⁶ thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát không có tham, không có sân, không có si. Tham, này Hiền giả, là một vật gì [chướng ngại],¹⁷ sân là một vật gì [chướng ngại], si là một vật gì [chướng ngại]. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, tham, sân, si này, đã được chặt tận gốc, đã làm như thân cây Sa-la, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô sở hữu, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát ấy không có tham, không có sân, không có si. Tham, này Hiền giả, là nhân tạo ra tướng, sân là nhân tạo ra tướng, si là nhân tạo ra tướng. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, tham, sân, si này, đã được chặt tận gốc, đã làm như thân cây Sa-la, khiến chúng không thể tái sanh trong tương lai. Này Hiền giả, khi nào các tâm giải thoát là vô tướng,¹⁸ thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát này không có tham, không có sân, không có si. Như vậy, này Hiền giả, là pháp môn này mà những pháp ấy là đồng nghĩa nhưng danh sai biệt.

Tôn giả Sāriputta thuyết giảng như vậy, Tôn giả Mahākotṭhita hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sāriputta dạy.

¹⁶ MA. II. 354 nói đến 12 trạng thái (4 Vô lượng tâm, 4 Đạo, 4 Quả) và Niết-bàn.

¹⁷ *Kiṇcana*. MA. II. 354 viết rằng khi tham ái khởi lên, tác động đến vị ấy, hoặc nó hủy hoại vị ấy hoặc làm chướng ngại cho việc tu tập của vị ấy.

¹⁸ Có đến 13 chi phần: Chánh kiến, 4 Vô sắc định, 4 Đạo, 4 Quả. Chánh kiến là vô tướng vì nó trừ tướng thường, lạc và ngã. 4 Vô sắc định là vô tướng vì không có sắc tướng. 4 Đạo và 4 Quả là vô tướng vì không có những phiền não tạo ra các tướng.

